

Bản án số: 86/2020/HS-PT

Ngày: 21 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Khánh Hồng

Bà Trần Thị Nhài

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Thành Công – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 61/2020/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nam H và các bị cáo khác đối với bản án hình sự sơ thẩm số 130/2020/HSST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Nam H, sinh ngày 19/10/1984; tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ X (nay là Tổ Y), phường TT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị TL; có vợ là Nguyễn Ngọc Ch; có 02 con chung, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Đồng Văn Q, sinh ngày 13/6/1987; tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm XD, xã BX, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Đồng Minh Qu và bà Đỗ Thị L; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. Trần Đình H1, sinh ngày 19/10/1988; tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Tổ 12 (nay là tổ 4), phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Đình K và bà Trần Thị L1; có vợ là Phạm Kiều A; có 02 con chung, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 00 phút ngày 05/6/2019, tổ công tác của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên lập biên bản làm việc với Trần Đình H1 về nội dung nghi vấn H1 liên quan đến vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày 22/5/2019 tại tổ 5, phường TT, thành phố Thái Nguyên. Trong khi đang làm việc với H1 thì phát hiện H1 còn có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động Iphone bên trong đang lắp sim có số thuê bao 0986.993.330 của H1 đang dùng.

Cụ thể: Khoảng 17 giờ 25 phút ngày 02/6/2019 H1 dùng điện thoại di động Iphone có số thuê bao 0986.993.330 của H1 nhắn tin mua số lô, số đề như sau: "Lô 18 x 50 đ; đề 33, 55 x 250n" gửi đến số thuê bao 0979.190.613 của Nguyễn Nam H. H nhắn tin trả lời "Em gửi cho anh 1 tin" có nghĩa là H đồng ý bán số lô, số đề cho H1. Đối với tin nhắn mua số lô, số đề của H1 có nghĩa là: Số lô 18 x 50 điểm; số đề 33, 55 mỗi số 250.000 đồng. Mỗi một điểm lô H1 mua của H là 22.000 đồng/01 điểm lô. Như vậy 50 điểm lô bằng 1.100.000 đồng, 02 số đề bằng 500.000 đồng. Tổng số tiền H1 mua số lô số đề của H là 1.600.000 đồng. Đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày 02/6/2019, thì số lô 18 mà H1 mua của H trùng với 02 số cuối của giải ba của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc có nghĩa là H1 thắng bạc 50 điểm lô bằng 4.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền H1 đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề của H là 5.600.000 đồng, H đã thanh toán cho H1 số tiền này.

Quá trình điều tra về hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề của Nguyễn Nam H, còn phát hiện H còn bán số lô, số đề cho Đồng Văn Q bằng hình thức nhắn tin qua điện thoại. Cụ thể như sau: Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 04/6/2019 Đồng Văn Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy bên trong lắp sim có số thuê bao 0968.449.900, soạn tin nhắn đến số thuê bao 0979190613 của H, cụ thể: "3 càng 768, 426 x 50n; đề 68, 26, 66, 22, 24, 20, 28 x 100n; lô 94, 72 x 100đ" sau khi gửi tin nhắn thì đến 17 giờ 46 phút cùng ngày H gửi lại tin nhắn "Em gửi cho anh 01 tin" tức là H đã đồng ý bán các số lô, số đề cho Q. Đến 17 giờ 58 phút cùng ngày Q gửi tin nhắn mua số lô, số đề của H như sau: "3 càng 122 x 50n; 221, 302 x 20n; 303 x 10n; đề 02, 26, 62, 21 x 200n; lô 94, 51, 16 x 100đ" H trả lời tin nhắn "Em gửi cho anh 02 tin" tức là H tiếp tục đồng ý bán số lô, số đề cho Q. Đến 18 giờ 10 phút cùng ngày Q tiếp tục gửi tin nhắn mua số lô, số đề của H như sau: "Lô 16, 35, 53, 68, 21 x 200đ; 56, 65 x 250đ; đề 66, 67, 68 x 200n; 62 x 500n" H tiếp tục nhắn tin lại cho Q "Em gửi cho anh 03 tin". Đến 18 giờ 12 phút cùng ngày Q tiếp tục soạn tin nhắn mua số lô, số đề của H cụ thể như sau: "đề 76, 86, 62, 06, 84 x 100n; 48, 26, 22 x 300n" H nhắn tin lại cho Q là "Em gửi cho anh 04 tin" tức là H đồng ý bán các số lô, số đề cho Q. Đến 18 giờ 14 phút cùng ngày Q tiếp tục soạn tin nhắn mua các số lô, số đề của H, cụ thể như sau: "03 càng 026 x 200n; đề 26 x 500n" H nhắn lại cho Q là "Em gửi cho anh 05 tin". Đến 18 giờ 16 phút cùng ngày Q tiếp tục nhắn tin mua các số lô, số đề của H như sau: "đề 62, 28 x 200n; 82 x 400n" H nhắn tin lại cho

Q "Em gửi anh 06 tin" tức là H đồng ý bán các số lô, số đề cho Q. Sau khi gửi các tin nhắn trên thì Q giữ lại các tin nhắn trong điện thoại để đối chiếu kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, xác định số tiền Q mua số lô, số đề của H trong ngày 04/6/2019 là 48.205.000 đồng. Sau khi có kết quả của xổ số kiến thiết Miền Bắc, Q đã trúng thưởng các số lô, số đề như sau: Số đề 86 x 100.000 đồng = 8.000.000 đồng; Lô 51 x 02 x 100 điểm = 16.000.000 đồng; Lô 16 x 100 điểm = 8.000.000 đồng; Lô 53 x 200 điểm = 16.000.000 đồng; Lô 60 x 200 điểm = 16.000.000 đồng; Lô 56 x 250 điểm = 20.000.000 đồng; Lô 16 x 200 điểm = 16.000.000 đồng. Số tiền Q trúng thưởng là 100.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền Q và H đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô số đề với nhau là 148.205.000 đồng. Ngày 05/6/2019, Nguyễn Nam H đã thanh toán tiền thắng bạc với Đồng Văn Q bằng hình thức chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng đến số tài khoản của Đồng Văn Q. Q đã nhận đủ số tiền nêu trên và đã sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Về hình thức đánh bạc Nguyễn Nam H quy ước với những người mua như sau: Khi những người mua các số lô, số đề gửi tin nhắn SMS đến số điện thoại 0979.190.613 của H thì H xác nhận việc mua bán các số lô, số đề nêu trên bằng việc soạn tin nhắn trả lời là "Nhận 01 tin" hoặc "Nhận 02 tin" tức là H đã đồng ý bán các số lô, số đề cho người mua. Số tiền thanh toán khi mua bán số lô, số đề thì H thanh toán sau khi đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày, việc thanh toán thường gặp nhau để thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán chuyển tiền đánh bạc qua số tài khoản 103004036717 của Nguyễn Nam H được mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai. Các tin nhắn mua các số lô, số đề gửi đến cho H phải trước thời gian mở thưởng của xổ số kiến thiết Miền Bắc hàng ngày thì H đồng ý nhận bán. Các số lô, số đề khách mua thì H đều lưu lại phần tin nhắn của điện thoại đến cuối ngày sẽ đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc, mở thưởng trong ngày xong thì sẽ xóa đi vào ngày hôm sau. Đối với các trường hợp khách mua các số đề sẽ đối chiếu với 02 số cuối của giải đặc biệt, nếu trùng với 02 số cuối thì người mua sẽ được số tiền gấp 80 lần số tiền bỏ ra mua số đề đó ban đầu. Đối với các số lô thì sẽ đối chiếu với 02 số cuối của 27 giải của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày. Nếu trúng thì người mua sẽ được số tiền là 80.000 đồng/01 điểm lô, giá điểm lô mà H bán cho khách thường là 22.000 đồng/01 điểm lô, trong trường hợp là khách quen thì H bán với giá 21.700 đồng/01 điểm lô.

Tại bản án sơ thẩm số 130/2020/HSST ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q và Trần Đình H1 phạm tội "Đánh bạc".

Về hình phạt áp dụng:

- Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Nam H 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo 25 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đồng Văn Q 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời

hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 20 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Đình H1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng; truy thu số tiền thu lợi bất chính, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/5/2020 bị cáo Nguyễn Nam H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 22/5/2020 bị cáo Đồng Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; xin hưởng án treo.

Ngày 14/5/2019 bị cáo Trần Đình H1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Nam H rút một phần kháng cáo, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Đồng Văn Q và Trần Đình H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Trong vụ án này, các bị cáo bị khởi tố, truy tố và bị xét xử về tội đánh bạc xuất phát từ việc cơ quan điều tra triệu tập Trần Đình H1 để làm rõ vụ án trộm cắp tài sản. Từ việc thu giữ và kiểm tra chiếc điện thoại do H1 giao nộp, cơ quan điều tra phát hiện trong điện thoại có lưu giữ các tin nhắn liên quan đến việc H1 mua số lô, số đề với Nguyễn Nam H. Sau khi được Cơ quan điều tra triệu tập, Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q đã tự giác khai nhận toàn bộ hành vi mua bán số lô, số đề giữa H với H1 và Q, điều đó thể hiện các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được pháp luật quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo là thiếu sót, đánh giá chưa đúng đối với quá trình giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nam H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò của bị cáo trong vụ án, tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên mức án đã tuyên đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình biên lai thu tiền phạt bổ sung và tiền án phí, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được Chính quyền địa phương xác nhận, vì vậy bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Đồng Văn Q: Trong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình

biên lai thu tiền truy thu và án phí, thể hiện sự chấp hành tốt pháp luật của bị cáo, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương, được Chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Đình H1: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung, tiền truy thu và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vì vậy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm theo hướng áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả ba bị cáo; giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Nam H và Đồng Văn Q, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Đồng Văn Q được hưởng án treo; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo Trần Đình H1 được hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các bị cáo Đồng Văn Q và Trần Đình H1 đề nghị cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong các ngày 02/6/2019 và ngày 04/6/2019 tại nhà ở của Nguyễn Nam H thuộc Tổ X, phường TT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, H đã nhiều lần đánh bạc bằng hình thức bán các số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại. Cụ thể, ngày 02/6/2019 H đánh bạc với Trần Đình H1 với tổng số tiền 5.600.000 đồng. Ngày 04/6/2019, H đánh bạc với Đồng Văn Q với tổng số tiền là 148.205.000 đồng.

Với hành vi trên, các bị cáo Nguyễn Nam H và Đồng Văn Q bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Đình H1 bị xét xử về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo của các bị cáo:*

Trong vụ án này, Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q và Trần Đình H1 bị khởi tố, truy tố và xét xử về tội đánh bạc (bằng hình thức mua bán số lô, số đề) xuất phát từ việc cơ quan điều tra triệu tập Trần Đình H1 để làm rõ vụ án trộm cắp tài sản. Từ việc thu giữ và kiểm tra chiếc điện thoại do H1 giao nộp, cơ quan điều tra phát hiện trong điện thoại có lưu giữ các tin nhắn liên quan đến việc H1 mua số lô, số đề với Nguyễn Nam H. Sau khi được Cơ quan điều tra triệu tập, Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi mua bán số lô, số đề giữa H với H1 và Q, điều đó thể hiện các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm và trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo được pháp luật quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với các bị cáo là thiếu sót, đánh giá chưa đúng đối với quá trình giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Nam H: Trong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình biên lai thu tiền phạt bổ sung và án phí, bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T được Bộ trưởng Bộ Công an tặng kỷ niệm chương “Bảo vệ an ninh Tổ quốc”, bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được Chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị, vì vậy bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét thấy có căn cứ giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Đồng Văn Q: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò của bị cáo, tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật, tuy nhiên mức án đã tuyên đối với bị cáo có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình biên lai thu tiền truy thu và án phí, thể hiện sự chấp hành tốt pháp luật của bị cáo. Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương, được Chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Đình H1: Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung và tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm, bị cáo có đơn xin cải tạo tại địa phương, được chính quyền địa phương xác nhận, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Đồng Văn Q và Trần Đình H1 có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, xét thấy các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo Q và H1 được

hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo Đồng Văn Q và Trần Đình H1 được hưởng án treo, dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[4]. *Về án phí hình sự phúc thẩm*: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q và bị cáo Trần Đình H1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 130/2020/HSST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q và Trần Đình H1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Nam H 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Đồng Văn Q 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đình H1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đồng Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã BX, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Đình H1 cho Ủy ban nhân dân phường TT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

- Ghi nhận bị cáo Nguyễn Nam H đã nộp số tiền 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại các biên lai thu tiền số 0000355 và 0000356, ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Ghi nhận bị cáo Đồng Văn Q đã nộp số tiền 50.200.000đ (năm mươi triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại biên lai thu tiền số 0000358, ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Ghi nhận bị cáo Trần Đình H1 đã nộp số tiền 14.200.000đ (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) là tiền phạt bổ sung, tiền truy thu và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm, tại biên lai thu tiền số 0000360, ngày 20/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Các bị cáo Nguyễn Nam H, Đồng Văn Q và Trần Đình H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 130/2020/HSST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND, CATP Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh TN;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Sở tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Tuấn